

Số: 862/2025/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 611/2025/HNST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Quang N, sinh năm 1993

Địa chỉ: số A Đường A, Khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Việt O, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/10/2025, ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Việt O thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Việt O thuận tình ly hôn.

(Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2017 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/3/2017).

- Về con chung: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Việt O thống nhất sau khi ly hôn, bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Khánh Đ, sinh ngày 12/3/2019.

Về cấp dưỡng: Ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện thực hiện từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự 300.000 đồng, ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Việt O có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/10/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Việt O thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Khánh Đ, sinh ngày 12/3/2019 cho bà Nguyễn Thị Việt O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Nhật Q cấp dưỡng nuôi con Lê Khánh Đ mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thực hiện từ tháng 11 năm 2025 cho đến khi Lê Khánh Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Quang N và bà Nguyễn Thị Việt O phải nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020819 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2 - TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND phường H, TP . HCM;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Lưu